

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16-4-2021

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Hoan;

- Bà Đỗ Thị Hoài Mơ;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị G, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn Sơn Đ, xã Th, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2021, bản tự khai và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn chị Trương Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Tiến Đ ngày 08/9/2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện L. Trước khi kết hai bên có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi cưới vợ chồng về sống chung cùng nhau ngay. Quá trình chung sống vợ chồng có hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2020, vợ chồng chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Do không

tiếp tục chung sống cùng nhau được nên chị đã về gia đình mẹ đẻ ở từ tháng 11 năm 2020, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến D.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về các yêu cầu khác, Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Trương Thị G vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

* Bị đơn anh Nguyễn Tiến D trình bày: Anh thừa nhận về điều kiện, thời gian kết hôn như chị G trình bày là đúng. Tuy nhiên anh không nhất trí về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng mà chị G đưa ra. Nếu trường hợp anh tiếp tục động viên vợ về đoàn tụ mà chị G không về thì anh nhất trí ly hôn với ý kiến của chị G.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về các yêu cầu khác, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh Nguyễn Tiến D vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay: Cả nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS); Điều 24, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho được ly hôn chị Trương Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Tiến D.

- Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản và các yêu cầu khác: Chị G và anh D đều không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết;

- Về án phí: Chị Trương Thị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Chị Trương Thị G có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Tiến Đ, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Tiến Đ có nơi cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang là đúng qui định.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng qui định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Thị Gọn và anh Nguyễn Tiến Đ kết hôn trên cơ sở có tình cảm, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 08/9/2017, việc kết hôn giữa chị Gọn và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau, cuộc sống vợ chồng có hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng chị G, anh Đ có mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Hội đồng xét xử, xét thấy: Cuộc sống của vợ chồng chị Gọn và anh Đ đã trầm trọng, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần xử cho chị G được ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Cả chị G và anh Đ đều thừa nhận không có con chung, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[2.3] *Về tài sản và các yêu cầu khác*: Cả chị G và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trương Thị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[2.5] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 56; của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều: 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Gọn được ly hôn với anh Nguyễn Tiến Đ

2. Về án phí: Chị Trương Thị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng, chị Gọn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0005221 ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- UBND xã Th;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Toan

Nơi nhận :

- *TAND Tỉnh*
- *VKSND Tỉnh , Huyện .*
- *Chi cục T.H.A. dân sự huyện*
- *Người tham gia tố tụng.*
- *Lưu hồ sơ . VP./.*

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Hoàng Văn Toàn